

Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu cử theo thể thức bỏ phiếu kín. Thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) ứng viên có số phiếu bầu cao nhất trong số các ứng cử viên Hội đồng quản trị tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người không phải là cổ đông thì phải có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh

nghiệm trong quản lý kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên đề cử;

d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và độc lập, có ý thức chấp hành luật pháp.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty và không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 04 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được quyền đề cử 05 ứng viên; nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được quyền đề cử 06 ứng viên và nắm giữ từ 70% trở lên được quyền đề cử 07 ứng viên.

7. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền gộp số cổ phần, có quyền biểu quyết của cổ đông lại với nhau để đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này;
- b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn xin từ chức;
- d. Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- đ. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - e. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;
 - g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, quyết định mức lương, thời hạn tuyển dụng và lợi ích khác của Giám đốc.
 - k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Kế toán trưởng và các Phó Giám đốc, quyết định mức lương và lợi ích khác của Kế toán trưởng, các Phó Giám đốc trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.
 - l. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - n. Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi vàng;
 - q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - r. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc phá sản Công ty;
 - s. Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra 01 (một) Chủ tịch bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Có trách nhiệm đảm bảo việc hoàn thành báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do gì thì trong vòng 10 (mười) ngày làm việc Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.

Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, cụ thể như sau:

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ít nhất là 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp thường kỳ vào bất kỳ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý họp một lần.

2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào nếu không có lý do chính đáng khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Trưởng Ban kiểm soát hoặc đa số thành viên Ban kiểm soát.

b. Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp.

3. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ loại họp đồng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp sẽ không có quyền biểu quyết.

7. Biên bản cuộc họp phải được thông qua tại cuộc họp; do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký tên và gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

Nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH

Điều 34. Cơ cấu tổ chức điều hành

- Bộ máy điều hành của Công ty gồm có:
 - + Giám đốc và các Phó Giám đốc.
 - + Kế toán trưởng.
 - + Các Trưởng phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, đội, chi nhánh trực thuộc.

Điều 35. Giám đốc

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc (một người trong số thành viên Hội đồng quản trị) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê; Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng bao gồm cả thời hạn tuyển dụng với ít nhất 3/5 (ba phần năm) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị).

4. Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các Phó Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

5. Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc.

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% Vốn điều lệ của Công ty hoặc người khác (không phải là thành viên HĐQT) thì phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và các vấn đề không thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu quyết định này trái với pháp luật, trái với Điều lệ Công ty và trái với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc từ chối này phải được làm văn bản gửi cho Hội đồng quản trị;

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

6. Đề xuất Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Giám đốc, kế toán trưởng; đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt về mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của Phó Giám đốc, kế toán trưởng.

7. Tuyển dụng lao động; chấm dứt hợp đồng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc theo quy chế do Hội đồng quản trị phê duyệt và phù hợp với các quy định của pháp luật.

8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

a. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

b. Xây dựng và đệ trình Hội đồng quản trị quy chế định giá bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản của Công ty, các chính sách đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.

c. Trình Hội đồng quản trị kế hoạch đầu tư và các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.

d. Xây dựng và quyết định ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá nguyên liệu vật tư và giá dịch vụ trong nội bộ Công ty.

đ. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

e. Thực hiện phân công và ủy nhiệm Phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

g. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự mà Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát yêu cầu.

h. Cuối năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty.

i. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty cho Hội đồng quản trị.

k. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

l. Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố,... và phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

m. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, và quy định của pháp luật.

10. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 37. Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công và ủy nhiệm hoặc ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm. Phó Giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

Điều 38. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Tham dự các cuộc họp.
 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Giám đốc.

Ban kiểm soát gồm có 03 (ba) thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất 01 (một) thành viên có trình độ đại học chuyên ngành tài chính, kế toán hoặc kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong nhiệm kỳ của Ban kiểm soát nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.

2. Ban kiểm soát bầu ra một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm và được tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ tiếp theo được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Ban kiểm soát họp ít nhất là 06 (sáu) tháng 1 lần và số lượng thành viên tối thiểu có trong các cuộc họp là 02 (hai) thành viên.

5. Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có trình độ học vấn từ đại học trở lên ưu tiên có trình độ chuyên môn về tài chính, kế toán, kiểm toán; phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, có ý thức chấp hành pháp luật; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát; nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử 02 ứng cử viên; nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử 03 ứng cử viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 04 ứng cử viên; nắm giữ từ 50% trở lên được quyền đề cử 05 ứng cử viên.

9. Những người sau đây không được làm thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;

b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

10. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 6 Điều này;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức;

Ngoài ra, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này;

đ. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

e. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

i. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty;

k. Không được tiết lộ bí mật của Công ty.

l. Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

m. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm vụ quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát :

a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Chương VIII

QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 43. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

b. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên;

c. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

d. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

e. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 45. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;

c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương IX

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ,

CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, BÁO CÁO CỦA CÔNG TY

Điều 47. Chế độ báo cáo

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 48. Công khai thông tin về Công ty cổ phần

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo tài chính hằng năm và Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Các nội dung công khai thông tin khác thực hiện theo Điều 171 Luật doanh nghiệp.

Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền trực tiếp gửi một văn bản yêu cầu xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những danh sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Điều 50. Chế độ lưu giữ tài liệu

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a. Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;

b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;

c. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;

đ. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (trường hợp Công ty cổ phần đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);

e. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

h. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương X

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (dương lịch) cùng năm.

Điều 53. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS).

2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 54. Hệ thống báo cáo tài chính

1. Giám đốc Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và phải công bố thông tin kịp thời theo quy định.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính và các báo cáo khác.

3. Công ty phải lập và công bố thông tin: các báo cáo quý, sáu tháng, chín tháng và năm theo quy định, nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế, ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cho vay vốn, cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các cơ quan hữu quan theo quy định.

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

2. Phân chia cổ tức:

a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

b. Hội đồng quản trị quy định ngày cụ thể (ngày khóa sổ) để khóa sổ danh sách cổ đông của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phiếu được quyền nhận cổ tức. Ngày chốt danh sách cổ đông chậm nhất 30 (ba mươi) trước ngày trả cổ tức. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

c. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình sau thời điểm chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức thì người chuyển nhượng (người bán) là người nhận cổ tức từ Công ty theo số cổ phần đã chuyển nhượng đó.

d. Hội đồng quản trị có thể tạm thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

đ. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phiếu nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải trả bằng tiền đồng Việt Nam tại trụ sở chính của Công ty hoặc bằng lệnh chuyển tiền đến tài khoản của cổ đông tại ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản của cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào đã được Công ty chuyển mà cổ đông đó không nhận được. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại thị trường chứng khoán, việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán.

e. Cổ tức có thể được trả bằng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm thay cho cổ tức tiền mặt nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua và giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung dùng để trả cổ tức phải tương đương với cổ tức tiền mặt theo sự tính toán sát thực nhất.

Chương XI **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.**

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến công việc của Công ty, các quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do luật pháp quy định, giữa một cổ đông hay các cổ đông với Công ty, giữa một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay các bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp có liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là Trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Biên bản hoà giải thành của các bên và Quyết định công nhận biên bản hoà giải thành của Trọng tài đối với các bên liên quan có giá trị bắt buộc thực hiện đối với các bên.

Trường hợp nếu không có Quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 06 tuần, kể từ ngày bắt đầu tiến hành quá trình hoà giải; hoặc nếu Quyết định của Trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Toà án. Quyết định của Toà án là Quyết định cuối cùng, các bên có trách nhiệm thi hành Quyết định.

3. Chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng, hoà giải, nếu không có thoả thuận khác giữa các bên, thì mỗi bên sẽ tự chịu phần chi phí của mình.

Đối với các chi phí của Toà án sẽ do Toà án quyết định bên nào sẽ chịu.

Chương XII

CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 57. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Công ty không còn đủ số lượng 03 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- c. Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

3. Việc giải thể Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong trường hợp Công ty không còn đủ số lượng 03 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Lý do giải thể; Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tổ chức thanh lý tài sản Công ty.

c. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d. Các khoản nợ và chi phí giải thể của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây: Các chi phí giải thể Công ty; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác..

Sau khi đã thanh toán hết chi phí giải thể và các khoản nợ của Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

đ. Giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

e. Thực hiện các quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp do Chính phủ quy định.

4. Việc giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của doanh nghiệp phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

b. Việc thanh toán các khoản nợ của Công ty được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

c. Giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

d. Cá nhân người quản lý Công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

Điều 58. Thanh lý tài sản Công ty

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông

chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự tại điểm d khoản 3 Điều 57 Điều lệ này.

Chương XIII

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 59. Con dấu

1. Con dấu của Công ty, các Chi nhánh và đơn vị trực thuộc được cơ quan có thẩm quyền khắc theo mẫu quy định thống nhất, được đăng ký sử dụng và quản lý con dấu theo đúng yêu cầu của pháp luật.

2. Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc các viên chức quản lý Công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.

3. Con dấu của Chi nhánh, đơn vị trực thuộc được sử dụng trên các chữ ký của Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc.

4. Hội đồng quản trị giao Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định pháp luật.

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được lập dưới hình thức một Dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Những Điều không được quy định trong Điều lệ này sẽ thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Điều 61. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Điều lệ được đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.

3. Nếu trong Điều lệ này có những điều khoản vô hiệu thì những điều khoản khác vẫn có hiệu lực.

Điều 62. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này gồm 13 Chương 62 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh nhất trí thông qua và biểu quyết chấp nhận toàn

văn của Điều lệ này vào ngày 28 tháng 4 năm 2016 tại Văn phòng Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh.

Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau. Trong đó:

- 01 bản gửi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- 05 bản lưu tại văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh

- 04 bản gửi cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các bản trích lục hay các bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

3. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH**

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Thới